

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 7- 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận; ông Lưu Đình Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị M**; sinh năm: 2001

Nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi cư trú: **Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn C**; sinh năm: 2001

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên toà vắng anh **C** (anh **C** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Lê Thị M** trình bày: Chị **M** và anh **Bùi Văn C** được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2023 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Sau ngày kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều vấn đề không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Vợ, chồng sống

ly thân từ tháng 1/2024 đến nay. Nay chị **M** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Bùi Đức H**, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 15/10/2023. Sau khi ly hôn, chị **M** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** và không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh **Bùi Văn C** để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **C** đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị **Lê Thị M** được ly hôn anh **Bùi Văn C**. Giao cháu **Bùi Đức H**, sinh ngày: 15/10/2023 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **M**.

- Về án phí: Chị **Lê Thị M** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lê Thị M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh **Bùi Văn C**. Anh **Chung cư t** tại **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh **C** nhưng anh **C** vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh **C** và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **C** theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh **C** đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh **C** vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Chị **M** và anh **C** đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, anh **C** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh **C**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Lê Thị M** và anh **Bùi Văn C** được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/4/2023 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Như vậy chị **M**, anh **C** không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều vấn đề không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2024 đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị **M** được ly hôn anh **C** là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị **M** và anh **C** có 01 con chung là cháu **Bùi Đức H**, sinh ngày: 15/10/2023. Sau khi ly hôn, chị **M** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** và không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

HĐXX thấy: Từ tháng 1/2024 chị **M** và anh **C** sống ly thân, cháu **Bùi Đức H** ở với chị **M**, được chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị **M** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H**. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị **M**. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu **Bùi Đức H**, HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị **M** là phù hợp. Giao **Bùi Đức H** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **M** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị **M**, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị M** được ly hôn anh **Bùi Văn C**.
2. Về con chung: Giao cháu **Bùi Đức H**, (Giới tính: Nam), sinh ngày: 15/10/2023 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **M**.

Anh **C** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.Về án phí: Chị **Lê Thị M** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị **M** đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002273 ngày 28/3/2024. Chị **M** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị **Lê Thị M**, vắng mặt anh **Bùi Văn C**. Chị **M** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **C** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn